

Mã đề: 125 /TN

Bảng 1 Dân số nước ta năm 2019 (Đơn vị: nghìn người)

	Tổng số	Thành thị	Nam	Nữ	Diện tích nước ta
Số dân	96209	33060	47881	48328	331212 km ²

Câu 1. Đường dây tải điện 500kV dài nhất nước ta là

- A. Vinh - Quy Nhơn. B. Hoà Bình - Hà Nội.
C. TP. Hồ Chí Minh - Hà Nội. D. Hoà Bình - TP. Hồ Chí Minh.

Câu 2. Căn cứ trang 28 Atlas, cây thuốc lá được trồng nhiều ở tỉnh nào thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Thuận. B. Ninh Thuận. C. Khánh Hòa. D. Phú Yên.

Câu 3. Ngành đường ống phát triển gắn với sản xuất

- A. than. B. điện. C. dầu khí. D. nước.

Câu 4. Căn cứ trang 18 Atlas, trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản thì ngành nào tăng tỉ trọng?

- A. Lâm nghiệp. B. Nông nghiệp. C. Trồng trọt. D. Thủy sản.

Câu 5. Theo Bảng 1, tỉ lệ dân thành thị nước ta 2019 là %

- A. 0,34. B. 34,4. C. 3,4. D. 65,6.

Câu 6. Căn cứ trang 17 Atlas, năm 2007 trung tâm kinh tế nào có tỉ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ cao nhất?

- A. Cần Thơ. B. TP Hồ Chí Minh. C. Đà Nẵng. D. Hà Nội.

Câu 7. Nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở miền Trung là

- A. ao hồ. B. đầm phá. C. sông suối. D. kênh rạch.

Câu 8. Đồng bằng sông Hồng có bình quân lương thực theo đầu người thấp là do

- A. năng suất lúa thấp. B. cây lương thực ít được đầu tư.
C. diện tích đồng bằng nhỏ. D. số dân rất đông.

Câu 9. Căn cứ trang 26 Atlas, năm 2007 Trung du và miền núi Bắc Bộ có mấy trung tâm công nghiệp?

- A. 4. B. 5. C. 2. D. 3.

Câu 10. Căn cứ Atlas trang 24, thành phần kinh tế nào trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước có tỉ trọng giảm trong giai đoạn 1995-2007?

- A. Khu vực Nhà nước. B. Không có thành phần nào giảm tỉ trọng.
C. Khu vực ngoài Nhà nước. D. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 11. Căn cứ trang 20 Atlas, nhận xét nào sau đây chưa đúng trong giai đoạn 2000-2007?

- A. Diện tích rừng trồng tăng. B. Sản lượng thủy sản khai thác tăng.
C. Diện tích rừng tự nhiên tăng. D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng giảm.

Câu 12. Phát biểu không đúng về chuyển dịch cơ cấu lao động đang làm việc nước ta giai đoạn 2000-2007 là

- A. Dịch vụ tăng tỉ trọng. B. Nông-lâm-thủy sản tăng tỉ trọng.
C. Cả ba khu vực đều thay đổi tỉ trọng. D. Công nghiệp-xây dựng tăng tỉ trọng.

Câu 13. Biết tổng diện tích Đồng bằng sông Hồng là 15 000km², trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm tỉ lệ 51,2%. Vậy diện tích đất nông nghiệp của vùng là bao nhiêu hecta?

- A. 7680. B. 76800. C. 768000. D. 51200.

Câu 14. Sản lượng lúa nước ta tăng trong giai đoạn 2000-2007 chủ yếu do

- A. Khai hoang. B. Tăng năng suất. C. Tăng diện tích. D. Quảng canh.

Câu 15. Căn cứ trang 21 Atlas, trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành khai thác than đá?

- A. Cẩm Phả. B. Vinh. C. Thanh Hóa. D. Hưng Yên.

Câu 16. Đồng bằng sông Hồng có bao nhiêu thành phố tương đương cấp tỉnh?

- A. 4. B. 2. C. 8. D. 10.

Câu 17. Căn cứ trang 19 Atlas,, cho biết trong các tỉnh sau đây tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất?

- A. Vĩnh Phúc. B. Bắc Kạn. C. Lạng Sơn. D. Thái Nguyên.

Câu 18. Quốc lộ 1 không chạy qua vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

Câu 19. Căn cứ trang 27 Atlas, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

Câu 20. Về ý nghĩa an ninh quốc phòng, các đảo và quần đảo nước ta là

- A. nơi có nhiều thuận lợi phát triển du lịch. B. nơi có nhiều tài nguyên hải sản.
C. thuận lợi cho phát triển giao thông biển. D. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.

Câu 21. Căn cứ trang 22 Atlas, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi. B. Phan Thiết. C. Quy Nhơn. D. Nha Trang.

Câu 22. Tỉnh/thành phố phát triển mạnh loại hình du lịch biển - đảo trong vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. Hải Phòng. B. Ninh Bình. C. Vĩnh Phúc. D. Bắc Ninh .

Câu 23. Căn cứ trang 23 Atlas, đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?

- A. Hạ Long. B. Hà Giang. C. Cao Bằng. D. Lạng Sơn.

Câu 24. Các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm của ngành trồng trọt?

- A. Nước mắm. B. Gạo, ngô. C. Sữa, bơ. D. Thịt hộp.

Câu 25. Căn cứ trang 20 Atlas, tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh lớn nhất?

- A. Lai Châu. B. Thái Nguyên. C. Tuyên Quang. D. Cao Bằng.

Câu 26. Căn cứ trang 22 Atlas, hãy cho biết nơi nào sau đây khai thác than không đạt 1 triệu tấn năm?

- A. Vàng Danh. B. Cẩm Phả. C. Quỳnh Nhai. D. Hà Tu.

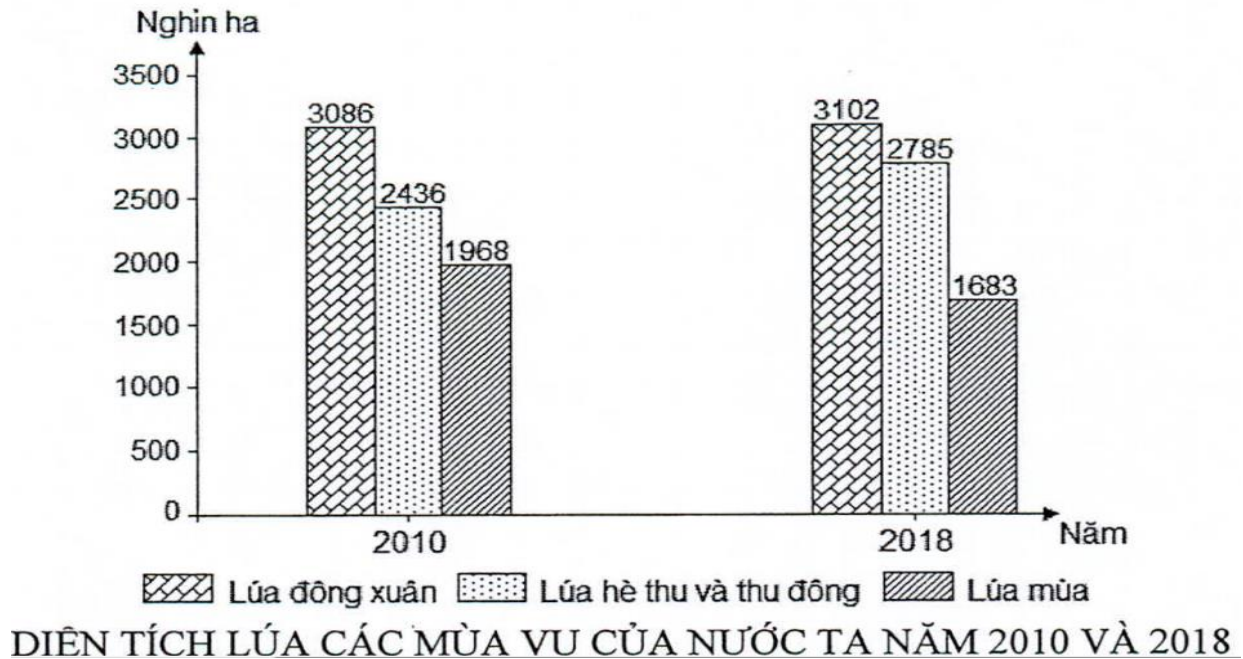
Câu 27. Khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Đồng Tháp. B. An Giang. C. Xa Mát. D. Hà Tiên.

Câu 28. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thế mạnh

- A. trồng cao su. B. khai thác thủy điện.
C. kinh tế biển-đảo. D. nuôi trâu, bò, ngựa, lợn.

Câu 29. Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta 2018 so 2010?

- A. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng. B. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng.
C. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng. D. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.

Câu 30. Nơi nào sau đây không thuộc dải công nghiệp tập trung ở Đông nam Bộ?

- A. Long An. B. Thủ Dầu Một. C. Biên Hoà. D. Vũng Tàu.

Câu 31. Căn cứ Atlas trang 24, hãy cho biết năm 2007, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang nước nào đạt giá trị trên 6 tỉ USD và có cán cân thương mại dương?

- A. Nhật Bản. B. Xin-ga-po. C. Trung Quốc. D. Hoa Kỳ.

Câu 32. Theo Bảng 1 thì tỉ số giới tính năm 2019 của dân số nước ta là nam/100 nữ.

- A. 0,99. B. 9. C. 9,9. D. 99.

Câu 33. Căn cứ trang 24 Atlas, năm 2007 nước ta có giá trị hàng xuất khẩu cao nhất là

- A. Nông lâm sản. B. Nguyên, nhiên, vật liệu.
C. Thủy sản. D. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

Câu 34. Vựa lúa lớn thứ hai của cả nước là

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đông Nam Bộ.

Câu 35. Theo Bảng 1, mật độ dân số nước ta 2019 là người/ km²

- A. 290. B. 29. C. 0,29. D. 2905.

Dựa vào bảng thông tin sau làm bài từ câu 36 đến câu 39:

Theo Cục Trồng trọt, năm 2018, diện tích cà phê của cả nước rất lớn khoảng 720 nghìn ha: trong đó, cà phê Robusta (cà phê vối) khoảng 670 nghìn ha, còn cà phê Arabica (cà phê chè) khoảng 50 nghìn ha.

Cà phê Việt Nam được xuất khẩu sang trên 80 quốc gia và vùng lãnh thổ. Năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 1,9 triệu tấn với kim ngạch xuất khẩu đạt 3,5 tỷ USD, chiếm 14% thị phần và hơn 10% giá trị cà phê nhân xuất khẩu toàn cầu, đứng thứ 2 sau Brazil.

Các tỉnh trồng cà phê Robusta là Lâm Đồng (164 nghìn ha), Đắk Nông (158 nghìn ha), Gia Lai (91 nghìn ha), Kon Tum (17 nghìn ha), Đắk Lắk (204 nghìn ha), Bình Phước (15 nghìn ha), Đồng Nai (11 nghìn ha), Bình Thuận (3 nghìn ha), các tỉnh khác (5 nghìn ha).

Các tỉnh trồng cà phê Arabica là Lâm Đồng (19 nghìn ha), Điện Biên (5 nghìn ha), Đắk Lắk (4 nghìn ha), Sơn La (14 nghìn ha), Quảng Trị (5 nghìn ha), các tỉnh khác (4 nghìn ha).

Các tỉnh có sản lượng cà phê Robusta lớn là Đắk Lắk (490 nghìn tấn) Lâm Đồng (443 nghìn tấn), Đắk Nông (417 nghìn tấn), Gia Lai (253 nghìn tấn), Kon Tum (51 nghìn tấn), Bình Phước (23 nghìn tấn), Đồng Nai (21 nghìn tấn), Bình Thuận (7 nghìn tấn) ...

Câu 36. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 vùng có diện tích trồng cà phê lớn nhất là

A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ. C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ

Câu 37. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: diện tích trồng cà phê Robusta chiếm khoảng trên% tổng diện tích cà phê cả nước.

A. 80. B. 90. C. 70. D. 50.

Câu 38. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 cà phê Arabica được trồng chủ yếu ở

A. Đắk Lắk và Lâm Đồng. B. Đắk Lắk và Sơn La.
C. Lâm Đồng và Sơn La. D. Lâm Đồng và Quảng Trị.

Câu 39. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năng suất cà phê Robusta cao nhất 2018 là tỉnh

A. Đắk Lắk. B. Đắk Nông. C. Lâm Đồng. D. Kon Tum

Câu 40. Bảng SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	Cá nuôi	Tôm nuôi	Thủy sản khác
2010	2101,6	449,7	177,0
2018	2918,7	809,7	433,4

Để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta 2010 và 2018, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất?

A. Tròn. B. Đường. C. Miền. D. Kết hợp.

Lưu ý: Học sinh được quyền sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

Bảng 1 Dân số nước ta năm 2019 (Đơn vị: nghìn người)

	Tổng số	Thành thị	Nam	Nữ	Diện tích nước ta
Số dân	96209	33060	47881	48328	331212 km ²

Câu 1. Căn cứ trang 19 Atlas, cho biết trong các tỉnh sau đây tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất?

- A. Bắc Kạn. B. Thái Nguyên. C. Vĩnh Phúc. D. Lạng Sơn.

Câu 2. Biết tổng diện tích Đồng bằng sông Hồng là 15 000km², trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm tỉ lệ 51,2%. Vậy diện tích đất nông nghiệp của vùng là bao nhiêu hecta?

- A. 7680. B. 768000. C. 76800. D. 51200.

Câu 3. Căn cứ trang 18 Atlas, trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản thì ngành nào tăng tỉ trọng?

- A. Thủy sản. B. Nông nghiệp. C. Trồng trọt. D. Lâm nghiệp.

Câu 4. Sản lượng lúa nước ta tăng trong giai đoạn 2000-2007 chủ yếu do

- A. Khai hoang. B. Tăng năng suất. C. Tăng diện tích. D. Quảng canh.

Câu 5. Phát biểu không đúng về chuyển dịch cơ cấu lao động đang làm việc nước ta giai đoạn 2000-2007 là

- A. Công nghiệp-xây dựng tăng tỉ trọng. B. Cả ba khu vực đều thay đổi tỉ trọng.
C. Nông-lâm-thủy sản tăng tỉ trọng. D. Dịch vụ tăng tỉ trọng.

Câu 6. Theo Bảng 1, tỉ lệ dân thành thị nước ta 2019 là %

- A. 0,34. B. 34,4. C. 3,4. D. 65,6.

Câu 7. Đồng bằng sông Hồng có bình quân lương thực theo đầu người thấp là do

- A. số dân rất đông. B. diện tích đồng bằng nhỏ.
C. cây lương thực ít được đầu tư. D. năng suất lúa thấp.

Câu 8. Căn cứ trang 22 Atlas, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Nha Trang. B. Phan Thiết. C. Quảng Ngãi. D. Quy Nhơn.

Câu 9. Bảng SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	Cá nuôi	Tôm nuôi	Thủy sản khác
2010	2101,6	449,7	177,0
2018	2918,7	809,7	433,4

Để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta 2010 và 2018, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Đường. C. Kết hợp. D. Tròn.

Câu 10. Căn cứ trang 28 Atlas, cây thuốc lá được trồng nhiều ở tỉnh nào thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Thuận. B. Khánh Hòa. C. Ninh Thuận. D. Phú Yên.

Câu 11. Ngành đường ống phát triển gắn với sản xuất

- A. than. B. điện. C. dầu khí. D. nước.

Câu 12. Căn cứ trang 23 Atlas, đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?

- A. Cao Bằng. B. Lạng Sơn. C. Hà Giang. D. Hạ Long.

Câu 13. Căn cứ trang 17 Atlas, năm 2007 trung tâm kinh tế nào có tỉ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp –xây dựng và dịch vụ cao nhất?

- A. Hà Nội. B. Cần Thơ. C. Tp Hồ Chí Minh. D. Đà Nẵng.

Câu 14. Căn cứ Atlat trang 24, thành phần kinh tế nào trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước có tỉ trọng giảm trong giai đoạn 1995-2007?.

- A. Không có thành phần nào giảm tỉ trọng. B. Khu vực Nhà nước.
C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. D. Khu vực ngoài Nhà nước.

Câu 15. Căn cứ trang 24 Atlat, năm 2007 nước ta có giá trị hàng xuất khẩu cao nhất là

- A. Nông lâm sản. B. Nguyên, nhiên, vật liệu.
C. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp. D. Thủy sản.

Câu 16. Căn cứ trang 20 Atlat, nhận xét nào sau đây chưa đúng trong giai đoạn 2000-2007?

- A. Diện tích rừng trồng tăng. B. Sản lượng thủy sản khai thác tăng.
C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng giảm. D. Diện tích rừng tự nhiên tăng.

Câu 17. Đồng bằng sông Hồng có bao nhiêu thành phố tương đương cấp tỉnh?

- A. 8. B. 10. C. 2. D. 4.

Câu 18. Theo Bảng 1 thì tỉ số giới tính năm 2019 của dân số nước ta là nam/100 nữ.

- A. 99. B. 9. C. 9,9. D. 0,99.

Câu 19. Căn cứ trang 22 Atlat, hãy cho biết nơi nào sau đây khai thác than không đạt 1 triệu tấn năm?

- A. Vàng Danh. B. Cẩm Phả. C. Quỳnh Nhai. D. Hà Tu.

Câu 20. Vựa lúa lớn thứ hai của cả nước là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đông Nam Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 21. Nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở miền Trung là

- A. sông suối. B. ao hồ. C. kênh rạch. D. đầm phá.

Câu 22. Quốc lộ 1 không chạy qua vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Tây Nguyên.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 23. Tỉnh/thành phố phát triển mạnh loại hình du lịch biển - đảo trong vùng **Đồng bằng sông Hồng** là

- A. Vĩnh Phúc. B. Bắc Ninh. C. Ninh Bình. D. Hải Phòng.

Câu 24. Căn cứ trang 26 Atlat, năm 2007 Trung du và miền núi Bắc Bộ có mấy trung tâm công nghiệp?

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 5.

Câu 25. Các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm của ngành trồng trọt?

- A. Nước mắm. B. Thịt hộp. C. Sữa, bơ. D. Gạo, ngô.

Câu 26. Theo Bảng 1, mật độ dân số nước ta 2019 là người/ km²

- A. 2905. B. 29. C. 0,29. D. 290.

Câu 27. Căn cứ trang 21 Atlat, trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành khai thác than đá?

- A. Vinh. B. Cẩm Phả. C. Hưng Yên. D. Thanh Hóa.

Câu 28. Nơi nào sau đây không thuộc dải công nghiệp tập trung ở Đông nam Bộ?

- A. Thủ Dầu Một. B. Vũng Tàu. C. Biên Hoà. D. Long An.

Câu 29. Khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Hà Tiên. B. Đồng Tháp. C. An Giang. D. Xa Mát.

Câu 30. Đường dây tải điện 500kV dài nhất nước ta là

- A. TP. Hồ Chí Minh - Hà Nội. B. Hoà Bình - TP. Hồ Chí Minh.
C. Vinh - Quy Nhơn. D. Hoà Bình - Hà Nội.

Câu 31. Căn cứ trang 20 Atlat, tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh lớn nhất?

A. Tuyên Quang.

B. Lai Châu.

C. Thái Nguyên.

D. Cao Bằng.

Dựa vào bảng thông tin sau làm bài từ câu 32 đến câu 35:

Theo Cục Trồng trọt, 2018, diện tích cà phê của cả nước rất lớn khoảng 720 nghìn ha: trong đó, cà phê Robusta (cà phê vối) khoảng 670 nghìn ha, còn cà phê Arabica (cà phê chè) khoảng 50 nghìn ha.

Cà phê Việt Nam được xuất khẩu sang trên 80 quốc gia và vùng lãnh thổ. Năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 1,9 triệu tấn với kim ngạch xuất khẩu đạt 3,5 tỷ USD, chiếm 14% thị phần và hơn 10% giá trị cà phê nhân xuất khẩu toàn cầu, đứng thứ 2 sau Brazil.

Các tỉnh trồng cà phê Robusta là Lâm Đồng (164 nghìn ha), Đắk Nông (158 nghìn ha), Gia Lai (91 nghìn ha), Kon Tum (17 nghìn ha), Đắk Lắk (204 nghìn ha), Bình Phước (15 nghìn ha), Đồng Nai (11 nghìn ha), Bình Thuận (3 nghìn ha), các tỉnh khác (5 nghìn ha).

Các tỉnh trồng cà phê Arabica là Lâm Đồng (19 nghìn ha), Điện Biên (5 nghìn ha), Đắk Lắk (4 nghìn ha), Sơn La (14 nghìn ha), Quảng Trị (5 nghìn ha), các tỉnh khác (4 nghìn ha).

Các tỉnh có sản lượng cà phê Robusta lớn là Đắk Lắk (490 nghìn tấn) Lâm Đồng (443 nghìn tấn), Đắk Nông (417 nghìn tấn), Gia Lai (253 nghìn tấn), Kon Tum (51 nghìn tấn), Bình Phước (23 nghìn tấn), Đồng Nai (21 nghìn tấn), Bình Thuận (7 nghìn tấn) ...

Câu 32. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 vùng có diện tích trồng cà phê lớn nhất là

A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ. C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ

Câu 33. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: diện tích trồng cà phê Robusta chiếm khoảng trên% tổng diện tích cà phê cả nước.

A. 80. B. 90. C. 70. D. 50.

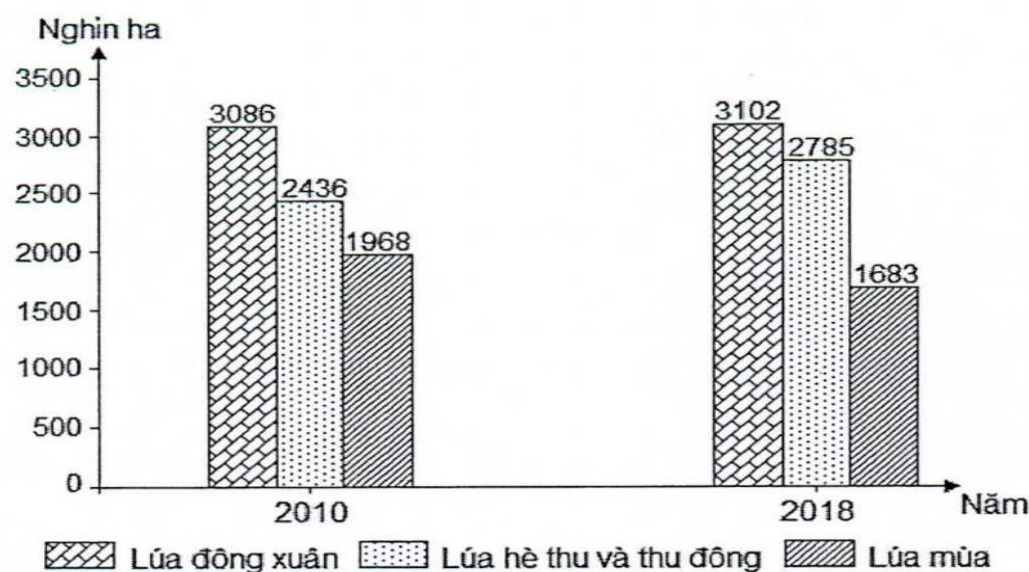
Câu 34. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 cà phê Arabica được trồng chủ yếu ở

A. Đắk Lắk và Lâm Đồng. B. Đắk Lắk và Sơn La.
C. Lâm Đồng và Sơn La. D. Lâm Đồng và Quảng Trị.

Câu 35. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năng suất cà phê Robusta cao nhất 2018 là tỉnh

A. Đắk Lắk. B. Đắk Nông. C. Lâm Đồng. D. Kon Tum

Câu 36. Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH LÚA CÁC MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta 2018 so 2010?

A. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng, tăng.

B. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân

C. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.

D. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng.

Câu 37. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thể mạnh

A. trồng cao su.

B. kinh tế biển-đảo.

C. nuôi trâu, bò, ngựa, lợn.

D. khai thác thủy điện.

Câu 38. Về ý nghĩa an ninh quốc phòng, các đảo và quần đảo nước ta là

A. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.

B. thuận lợi cho phát triển giao thông biển.

C. nơi có nhiều thuận lợi phát triển du lịch.

D. nơi có nhiều tài nguyên hải sản.

Câu 39. Căn cứ trang 27 Atlas, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Thanh Hóa.

B. Nghệ An.

C. Quảng Bình.

D. Hà Tĩnh.

Câu 40. Căn cứ Atlas trang 24, hãy cho biết năm 2007, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang nước nào đạt giá trị trên 6 tỉ USD và có cán cân thương mại dương?

A. Hoa Kỳ.

B. Nhật Bản.

C. Trung Quốc.

D. Xin-ga-po.

Lưu ý: Học sinh được quyền sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

Mã đề: 127 /TN

Bảng 1 Dân số nước ta năm 2019 (Đơn vị: nghìn người)

	Tổng số	Thành thị	Nam	Nữ	Diện tích nước ta
Số dân	96209	33060	47881	48328	331212 km ²

Câu 1. Các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm của ngành trồng trọt?

- A. Sữa, bơ. B. Thịt hộp. C. Gạo, ngô. D. Nước mắm.

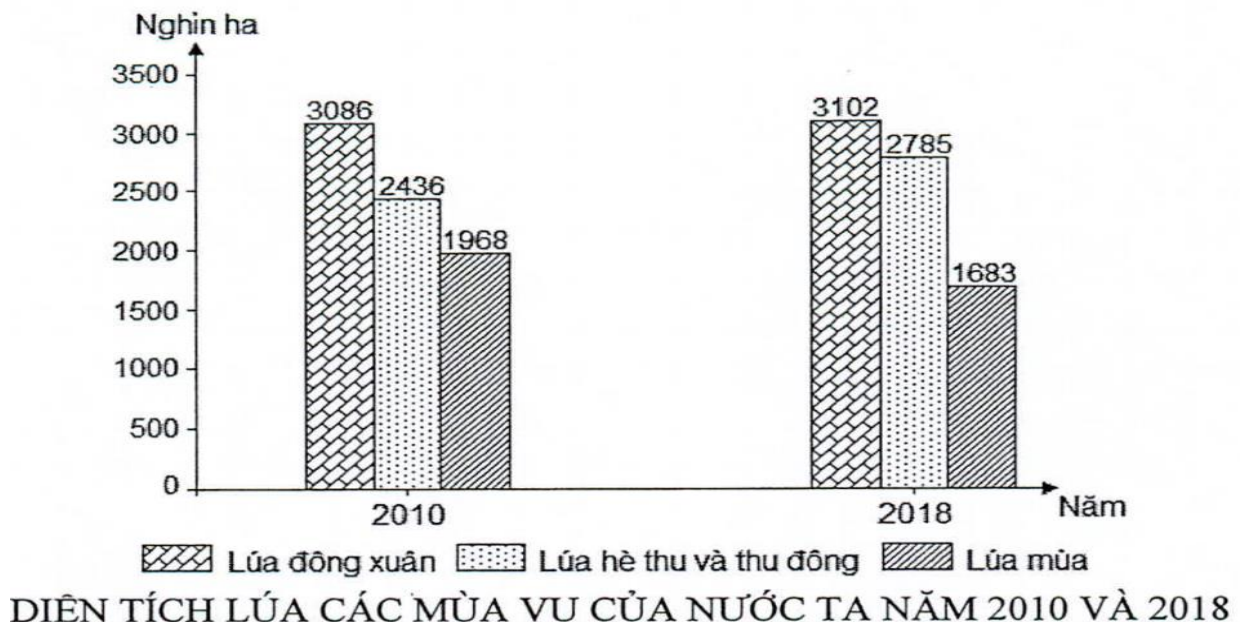
Câu 2. Căn cứ trang 24 Atlas, năm 2007 nước ta có giá trị hàng xuất khẩu cao nhất là

- A. Nông lâm sản. B. Nguyên, nhiên, vật liệu.
C. Thủy sản. D. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

Câu 3. Nơi nào sau đây không thuộc dải công nghiệp tập trung ở Đông nam Bộ?

- A. Biên Hoà. B. Vũng Tàu. C. Thủ Dầu Một. D. Long An.

Câu 4. Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta 2018 so 2010?

- A. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng. B. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.
C. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng. D. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng

Câu 5. Căn cứ trang 27 Atlas, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Thanh Hóa. D. Quảng Bình.

Câu 6. Căn cứ trang 20 Atlas, nhận xét nào sau đây chưa đúng trong giai đoạn 2000-2007?

- A. Diện tích rừng trồng tăng. B. Sản lượng thủy sản khai thác tăng.
C. Diện tích rừng tự nhiên tăng. D. Sản lượng thủy sản nuôi trồng giảm.

Câu 7. Theo Bảng 1, tỉ lệ dân thành thị nước ta 2019 là %

- A. 0,34. B. 34,4. C. 3,4. D. 65,6.

Câu 8. Về ý nghĩa an ninh quốc phòng, các đảo và quần đảo nước ta là

- A. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền. B. thuận lợi cho phát triển giao thông biển.

C. nơi có nhiều thuận lợi phát triển du lịch.

D. nơi có nhiều tài nguyên hải sản.

Câu 9. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	Cá nuôi	Tôm nuôi	Thủy sản khác
2010	2101,6	449,7	177,0
2018	2918,7	809,7	433,4

Để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta 2010 và 2018, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất?

A. Tròn.

B. Miền.

C. Đường.

D. Kết hợp.

Câu 10. Theo Bảng 1, mật độ dân số nước ta 2019 là người/ km²

A. 290.

B. 29.

C. 0,29.

D. 2905.

Câu 11. Theo Bảng 1 thì tỉ số giới tính năm 2019 của dân số nước ta là nam/100 nữ.

A. 9.

B. 99.

C. 9,9.

D. 0,99.

Câu 12. Căn cứ trang 26 Atlas, năm 2007 Trung du và miền núi Bắc Bộ có mấy trung tâm công nghiệp?

A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 5.

Câu 13. Căn cứ trang 19 Atlas, cho biết trong các tỉnh sau đây tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất?

A. Thái Nguyên.

B. Lạng Sơn.

C. Bắc Kạn.

D. Vĩnh Phúc.

Câu 14. Đồng bằng sông Hồng có bình quân lương thực theo đầu người thấp là do

A. năng suất lúa thấp.

B. số dân rất đông.

C. cây lương thực ít được đầu tư.

D. diện tích đồng bằng nhỏ.

Câu 15. Căn cứ trang 20 Atlas, tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh lớn nhất?

A. Lai Châu.

B. Tuyên Quang.

C. Thái Nguyên.

D. Cao Bằng.

Câu 16. Căn cứ trang 21 Atlas, trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành khai thác than đá?

A. Hưng Yên.

B. Cẩm Phả.

C. Vinh.

D. Thanh Hóa.

Câu 17. Đồng bằng sông Hồng có bao nhiêu thành phố tương đương cấp tỉnh?

A. 10.

B. 4.

C. 2.

D. 8.

Câu 18. Khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

A. Đồng Tháp.

B. Hà Tiên.

C. Xa Mát.

D. An Giang.

Câu 19. Nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở miền Trung là

A. đầm phá.

B. kênh rạch.

C. ao hồ.

D. sông suối.

Câu 20. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thể mạnh

A. kinh tế biển-đảo.

B. trồng cao su.

C. nuôi trâu, bò, ngựa, lợn.

D. khai thác thủy điện.

Câu 21. Ngành đường ống phát triển gắn với sản xuất

A. dầu khí.

B. nước.

C. điện.

D. than.

Câu 22. Quốc lộ 1 không chạy qua vùng kinh tế nào sau đây?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đông Nam Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 23. Sản lượng lúa nước ta tăng trong giai đoạn 2000-2007 chủ yếu do

- A. Tăng năng suất. B. Tăng diện tích. C. Khai hoang. D. Quảng canh.

Câu 24. Căn cứ trang 22 Atlas, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quy Nhơn. B. Phan Thiết. C. Quảng Ngãi. D. Nha Trang.

Câu 25. Vựa lúa lớn thứ hai của cả nước là

- A. Đông Nam Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 26. Căn cứ trang 23 Atlas, đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?

- A. Hạ Long. B. Hà Giang. C. Lạng Sơn. D. Cao Bằng.

Câu 27. Căn cứ trang 18 Atlas, trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản thì ngành nào tăng tỉ trọng?

- A. Trồng trọt. B. Nông nghiệp. C. Thủy sản. D. Lâm nghiệp.

Câu 28. Căn cứ trang 28 Atlas, cây thuốc lá được trồng nhiều ở tỉnh nào thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Thuận. B. Phú Yên. C. Khánh Hòa. D. Ninh Thuận.

Câu 29. Căn cứ Atlas trang 24, thành phần kinh tế nào trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước có tỉ trọng giảm trong giai đoạn 1995-2007?

- A. Không có thành phần nào giảm tỉ trọng. B. Khu vực ngoài Nhà nước.
C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. D. Khu vực Nhà nước.

Câu 30. Căn cứ Atlas trang 24, hãy cho biết năm 2007, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang nước nào đạt giá trị trên 6 tỉ USD và có cán cân thương mại dương?

- A. Trung Quốc. B. Nhật Bản. C. Hoa Kỳ. D. Xin-ga-po.

Câu 31. Phát biểu không đúng về chuyển dịch cơ cấu lao động đang làm việc nước ta giai đoạn 2000-2007 là

- A. Công nghiệp-xây dựng tăng tỉ trọng. B. Cả ba khu vực đều thay đổi tỉ trọng.
C. Dịch vụ tăng tỉ trọng. D. Nông-lâm-thủy sản tăng tỉ trọng.

Câu 32. Biết tổng diện tích Đồng bằng sông Hồng là 15 000km², trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm tỉ lệ 51,2%. Vậy diện tích đất nông nghiệp của vùng là bao nhiêu hecta?

- A. 768000. B. 51200. C. 7680. D. 76800.

Câu 33. Tỉnh/thành phố phát triển mạnh loại hình du lịch biển - đảo trong vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. Hải Phòng. B. Bắc Ninh. C. Ninh Bình. D. Vĩnh Phúc.

Câu 34. Căn cứ trang 17 Atlas, năm 2007 trung tâm kinh tế nào có tỉ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ cao nhất?

- A. Đà Nẵng. B. Cần Thơ. C. Hà Nội. D. TP Hồ Chí Minh.

Câu 35. Căn cứ trang 22 Atlas, hãy cho biết nơi nào sau đây khai thác than không đạt 1 triệu tấn năm?

- A. Vàng Danh. B. Cẩm Phả. C. Quỳnh Nhai. D. Hà Tu.

Câu 36. Đường dây tải điện 500kV dài nhất nước ta là

- A. Hoà Bình - TP. Hồ Chí Minh. B. Hoà Bình - Hà Nội.
C. TP. Hồ Chí Minh - Hà Nội. D. Vinh - Quy Nhơn.

Dựa vào bảng thông tin sau làm bài từ câu 37 đến câu 40:

Theo Cục Trồng trọt, 2018, diện tích cà phê của cả nước rất lớn khoảng 720 nghìn ha: trong đó, cà phê Robusta (cà phê vối) khoảng 670 nghìn ha, còn cà phê Arabica (cà phê chè) khoảng 50 nghìn ha.

Cà phê Việt Nam được xuất khẩu sang trên 80 quốc gia và vùng lãnh thổ. Năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 1,9 triệu tấn với kim ngạch xuất khẩu đạt 3,5 tỷ USD, chiếm 14% thị phần và hơn 10% giá trị cà phê nhân xuất khẩu toàn cầu, đứng thứ 2 sau Brazil.

Các tỉnh trồng cà phê Robusta là Lâm Đồng (164 nghìn ha), Đắk Nông (158 nghìn ha), Gia Lai (91 nghìn ha), Kon Tum (17 nghìn ha), Đắk Lắk (204 nghìn ha), Bình Phước (15 nghìn ha), Đồng Nai (11 nghìn ha), Bình Thuận (3 nghìn ha), các tỉnh khác (5 nghìn ha).

Các tỉnh trồng cà phê Arabica là Lâm Đồng (19 nghìn ha), Điện Biên (5 nghìn ha), Đắk Lắk (4 nghìn ha), Sơn La (14 nghìn ha), Quảng Trị (5 nghìn ha), các tỉnh khác (4 nghìn ha).

Các tỉnh có sản lượng cà phê Robusta lớn là Đắk Lắk (490 nghìn tấn) Lâm Đồng (443 nghìn tấn), Đắk Nông (417 nghìn tấn), Gia Lai (253 nghìn tấn), Kon Tum (51 nghìn tấn), Bình Phước (23 nghìn tấn), Đồng Nai (21 nghìn tấn), Bình Thuận (7 nghìn tấn) ...

Câu 37. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 vùng có diện tích trồng cà phê lớn nhất là

A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ. C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ

Câu 38. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: diện tích trồng cà phê Robusta chiếm khoảng trên% tổng diện tích cà phê cả nước.

A. 80. B. 90. C. 70. D. 50.

Câu 39. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 cà phê Arabica được trồng chủ yếu ở

A. Đắk Lắk và Lâm Đồng. B. Đắk Lắk và Sơn La.
C. Lâm Đồng và Sơn La. D. Lâm Đồng và Quảng Trị.

Câu 40. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năng suất cà phê Robusta cao nhất 2018 là tỉnh

A. Đắk Lắk. B. Đắk Nông. C. Lâm Đồng. D. Kon Tum

Lưu ý: Học sinh được quyền sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

Bảng 1 Dân số nước ta năm 2019 (Đơn vị: nghìn người)

	Tổng số	Thành thị	Nam	Nữ	Diện tích nước ta
Số dân	96209	33060	47881	48328	331212 km ²

Câu 1. Tỉnh/thành phố phát triển mạnh loại hình du lịch biển - đảo trong vùng Đồng bằng sông Hồng là
A. Ninh Bình. B. Vĩnh Phúc. C. Hải Phòng. D. Bắc Ninh .

Câu 2. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thế mạnh
A. nuôi trâu, bò, ngựa, lợn. B. kinh tế biển-đảo.
C. trồng cao su. D. khai thác thủy điện.

Câu 3. Căn cứ Atlas trang 24, thành phần kinh tế nào trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của cả nước có tỉ trọng giảm trong giai đoạn 1995-2007?.

- A. Khu vực ngoài Nhà nước. B. Không có thành phần nào giảm tỉ trọng.
C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. D. Khu vực Nhà nước.

Câu 4. Ngành đường ống phát triển gắn với sản xuất

- A. than. B. nước. C. điện. D. dầu khí.

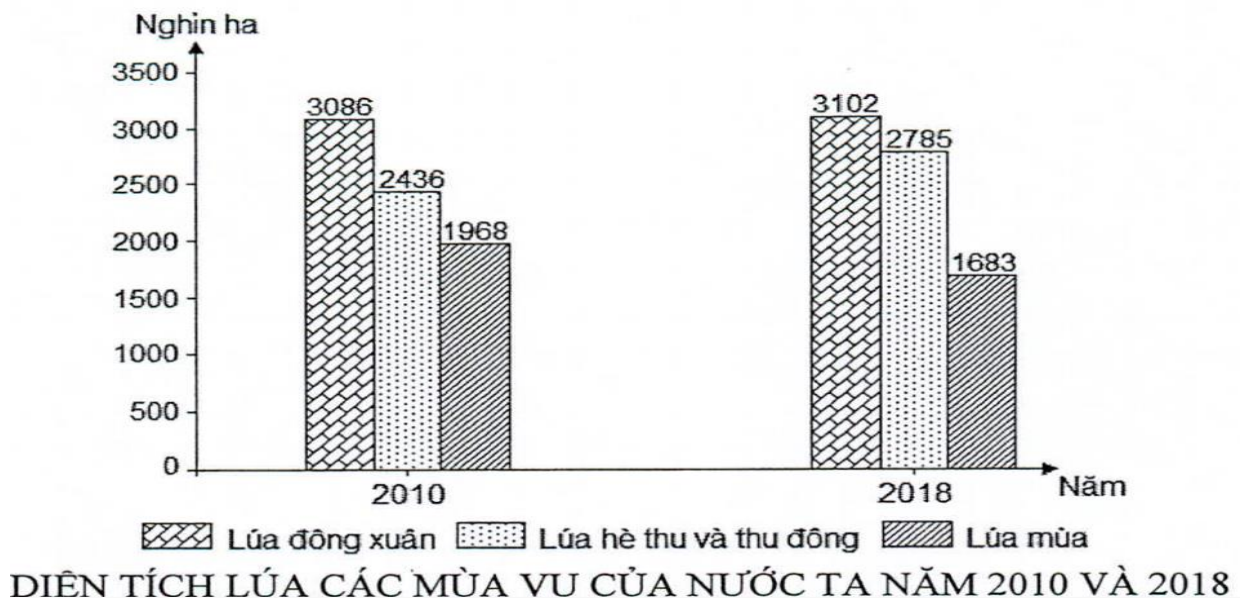
Câu 5. Theo Bảng 1, mật độ dân số nước ta 2019 là người/ km²

- A. 29. B.290. C. 0,29. D. 2905.

Câu 6. Căn cứ trang 23 Atlas, đường số 2 nối Hà Nội với địa điểm nào sau đây?

- A. Cao Bằng. B. Hà Giang. C. Lạng Sơn. D. Hạ Long.

Câu 7. Cho biểu đồ :



Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ của nước ta 2018 so 2010?

- A. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng. B. Lúa hè thu và thu đông giảm, lúa mùa tăng.
C. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân tăng. D. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng.

Câu 8. Căn cứ trang 28 Atlas, cây thuốc lá được trồng nhiều ở tỉnh nào thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Phú Yên. B. Bình Thuận. C. Khánh Hòa. D. Ninh Thuận.

Câu 9. Các sản phẩm nào sau đây thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm của ngành trồng trọt?

- A. Gạo, ngô. B. Thịt hộp. C. Sữa, bơ. D. Nước mắm.

Câu 10. Khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Đồng Tháp. B. Xa Mát. C. An Giang. D. Hà Tiên.

Câu 11. Căn cứ Atlas trang 24, hãy cho biết năm 2007, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang nước nào đạt giá trị trên 6 tỉ USD và có cán cân thương mại dương?

- A. Xin-ga-po. B. Nhật Bản. C. Hoa Kỳ. D. Trung Quốc.

Câu 12. Về ý nghĩa an ninh quốc phòng, các đảo và quần đảo nước ta là

- A. thuận lợi cho phát triển giao thông biển. B. hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.
C. nơi có nhiều tài nguyên hải sản. D. nơi có nhiều thuận lợi phát triển du lịch.

Câu 13. Căn cứ trang 17 Atlas, năm 2007 trung tâm kinh tế nào có tỉ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ cao nhất?

- A. Đà Nẵng. B. Cần Thơ. C. TP Hồ Chí Minh. D. Hà Nội.

Câu 14. Đường dây tải điện 500kV dài nhất nước ta là

- A. TP. Hồ Chí Minh - Hà Nội. B. Vinh - Quy Nhơn.
C. Hoà Bình - TP. Hồ Chí Minh. D. Hoà Bình - Hà Nội.

Câu 15. Căn cứ trang 21 Atlas, trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành khai thác than đá?

- A. Thanh Hóa. B. Hưng Yên. C. Vinh. D. Cẩm Phả.

Câu 16. Quốc lộ 1 không chạy qua vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đông Nam Bộ.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 17. Theo Bảng 1 thì tỉ số giới tính năm 2019 của dân số nước ta là nam/100 nữ.

- A. 0,99. B. 9. C. 99. D. 9,9.

Câu 18. Đồng bằng sông Hồng có bình quân lương thực theo đầu người thấp là do

- A. năng suất lúa thấp. B. số dân rất đông.
C. diện tích đồng bằng nhỏ. D. cây lương thực ít được đầu tư.

Câu 19. Căn cứ trang 24 Atlas, năm 2007 nước ta có giá trị hàng xuất khẩu cao nhất là

- A. Nông lâm sản. B. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
C. Thủy sản. D. Nguyên, nhiên, vật liệu.

Câu 20. Bảng: SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	Cá nuôi	Tôm nuôi	Thủy sản khác
2010	2101,6	449,7	177,0
2018	2918,7	809,7	433,4

Để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta 2010 và 2018, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Tròn. C. Miền. D. Kết hợp.

Câu 21. Căn cứ trang 27 Atlas, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 22. Căn cứ trang 22 Atlas, hãy cho biết nơi nào sau đây khai thác than không đạt 1 triệu tấn năm?

- A. Quỳnh Nhai. B. Vàng Danh. C. Cẩm Phả. D. Hà Tu.

Câu 23. Vụ lúa lớn thứ hai của cả nước là

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 24. Đồng bằng sông Hồng có bao nhiêu thành phố tương đương cấp tỉnh?

A. 2.

B. 8.

C. 10.

D. 4.

Câu 25. Nơi nào sau đây không thuộc dải công nghiệp tập trung ở Đông nam Bộ?

A. Long An.

B. Vũng Tàu.

C. Biên Hoà.

D. Thủ Dầu Một.

Câu 26. Căn cứ trang 20 Atlas, nhận xét nào sau đây chưa đúng trong giai đoạn 2000-2007?

A. Sản lượng thủy sản nuôi trồng giảm.

B. Sản lượng thủy sản khai thác tăng.

C. Diện tích rừng tự nhiên tăng.

D. Diện tích rừng trồng tăng.

Câu 27. Biết tổng diện tích Đồng bằng sông Hồng là 15 000km², trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm tỉ lệ 51,2%. Vậy diện tích đất nông nghiệp của vùng là bao nhiêu hecta?

A. 76800.

B. 51200.

C. 7680.

D. 768000.

Câu 28. Căn cứ trang 19 Atlas, cho biết trong các tỉnh sau đây tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất?

A. Bắc Kạn.

B. Thái Nguyên.

C. Lạng Sơn.

D. Vĩnh Phúc.

Câu 29. Căn cứ trang 18 Atlas, trong cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản thì ngành nào tăng tỉ trọng?

A. Lâm nghiệp.

B. Nông nghiệp.

C. Trồng trọt.

D. Thủy sản.

Dựa vào bảng thông tin sau làm bài từ câu 30 đến câu 33:

Theo Cục Trồng trọt, 2018, diện tích cà phê của cả nước rất lớn khoảng 720 nghìn ha: trong đó, cà phê Robusta (cà phê vối) khoảng 670 nghìn ha, còn cà phê Arabica (cà phê chè) khoảng 50 nghìn ha.

Cà phê Việt Nam được xuất khẩu sang trên 80 quốc gia và vùng lãnh thổ. Năm 2018, Việt Nam xuất khẩu 1,9 triệu tấn với kim ngạch xuất khẩu đạt 3,5 tỷ USD, chiếm 14% thị phần và hơn 10% giá trị cà phê nhân xuất khẩu toàn cầu, đứng thứ 2 sau Brazil.

Các tỉnh trồng cà phê Robusta là Lâm Đồng (164 nghìn ha), Đắk Nông (158 nghìn ha), Gia Lai (91 nghìn ha), Kon Tum (17 nghìn ha), Đắk Lắk (204 nghìn ha), Bình Phước (15 nghìn ha), Đồng Nai (11 nghìn ha), Bình Thuận (3 nghìn ha), các tỉnh khác (5 nghìn ha).

Các tỉnh trồng cà phê Arabica là Lâm Đồng (19 nghìn ha), Điện Biên (5 nghìn ha), Đắk Lắk (4 nghìn ha), Sơn La (14 nghìn ha), Quảng Trị (5 nghìn ha), các tỉnh khác (4 nghìn ha).

Các tỉnh có sản lượng cà phê Robusta lớn là Đắk Lắk (490 nghìn tấn) Lâm Đồng (443 nghìn tấn), Đắk Nông (417 nghìn tấn), Gia Lai (253 nghìn tấn), Kon Tum (51 nghìn tấn), Bình Phước (23 nghìn tấn), Đồng Nai (21 nghìn tấn), Bình Thuận (7 nghìn tấn) ...

Câu 30. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 vùng có diện tích trồng cà phê lớn nhất là

A. Tây Nguyên.

B. Đông Nam Bộ.

C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

D. Bắc Trung Bộ

Câu 31. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: diện tích trồng cà phê Robusta chiếm khoảng trên% tổng diện tích cà phê cả nước.

A. 80.

B. 90.

C. 70.

D. 50.

Câu 32. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năm 2018 cà phê Arabica được trồng chủ yếu ở

A. Đắk Lắk và Lâm Đồng.

B. Đắk Lắk và Sơn La.

C. Lâm Đồng và Sơn La.

D. Lâm Đồng và Quảng Trị.

Câu 33. Căn cứ bảng thông tin trên, cho biết: năng suất cà phê Robusta cao nhất 2018 là tỉnh

A. Đắk Lắk.

B. Đắk Nông.

C. Lâm Đồng.

D. Kon Tum

Câu 34. Sản lượng lúa nước ta tăng trong giai đoạn 2000-2007 chủ yếu do

- A. Tăng diện tích. B. Quảng canh. C. Khai hoang. D. Tăng năng suất.
- Câu 35.** Căn cứ trang 26 Atlat, năm 2007 Trung du và miền núi Bắc Bộ có mấy trung tâm công nghiệp?
A. 4. B. 5. C. 2. D. 3.
- Câu 36.** Phát biểu không đúng về chuyển dịch cơ cấu lao động đang làm việc nước ta giai đoạn 2000-2007 là
A. Dịch vụ tăng tỉ trọng. B. Nông-lâm-thủy sản tăng tỉ trọng.
C. Công nghiệp-xây dựng tăng tỉ trọng. D. Cả ba khu vực đều thay đổi tỉ trọng.
- Câu 37.** Căn cứ trang 20 Atlat, tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh lớn nhất?
A. Tuyên Quang. B. Lai Châu. C. Cao Bằng. D. Thái Nguyên.
- Câu 38.** Theo Bảng 1, tỉ lệ dân thành thị nước ta 2019 là %
A. 34,4. B. 0,34. C. 3,4. D. 65,6.
- Câu 39.** Căn cứ trang 22 Atlat, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?
A. Quảng Ngãi. B. Quy Nhơn. C. Nha Trang. D. Phan Thiết.
- Câu 40.** Nơi thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở miền Trung là
A. sông suối. B. kênh rạch. C. ao hồ. D. đầm phá.

Lưu ý: Học sinh được quyền sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam.

ĐÁP ÁN – KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2 (2020-2021) – Môn Địa lý 12

Đề 125	Đề 126	Đề 127	Đề 128
1. D	1. D	1. C	1. C
2. B	2. B	2. D	2. C
3. C	3. A	3. D	3. D
4. D	4. B	4. C	4. D
5. B	5. C	5. C	5. B
6. B	6. B	6. D	6. B
7. B	7. A	7. B	7. C
8. D	8. A	8. A	8. D
9. A	9. D	9. A	9. A
10. A	10. C	10. A	10. B
11. D	11. C	11. B	11. C
12. B	12. C	12. B	12. B
13. C	13. C	13. B	13. C
14. B	14. B	14. B	14. C
15. A	15. C	15. B	15. D
16. B	16. C	16. B	16. D
17. C	17. C	17. C	17. C
18. C	18. A	18. C	18. B
19. A	19. C	19. A	19. B
20. D	20. D	20. B	20. B
21. D	21. D	21. A	21. A
22. A	22. B	22. C	22. A
23. B	23. D	23. A	23. B
24. B	24. B	24. D	24. A
25. C	25. D	25. D	25. A
26. C	26. D	26. B	26. A
27. C	27. B	27. C	27. D
28. A	28. D	28. D	28. C
29. C	29. D	29. D	29. D
30. A	30. B	30. C	30. A
31. D	31. A	31. D	31. B
32. D	32. A	32. A	32. C
33. D	33. B	33. A	33. D
34. C	34. C	34. D	34. D
35. A	35. D	35. C	35. A
36. A	36. B	36. A	36. B
37. B	37. A	37. A	37. A
38. C	38. A	38. B	38. A
39. D	39. A	39. C	39. C
40. A	40. A	40. D	40. D